CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Tập đoàn ECI

Ngày 28/06/2024	24,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	0%	0%

DT thuần
Q2/24
0.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.29| -68.1%
YoY: ▼4.37| -87.9%

LN thuần
Q2/24
-2.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.43| -26.1%
YoY: ▼0.60| -40.6%

LN sau thuế
Q2/24
-2.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.51| -30.3%
YoY: ▼0.63| -40.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
-341%
YoY: +/-▼ 257%

ROE (TTM)
Q2/24
-21.5%
YoY: +/-▼ 2.6%

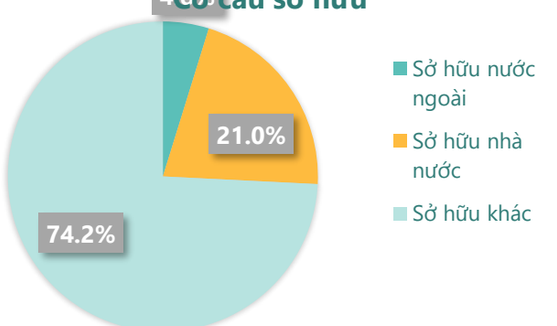
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	24,500 - 24,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	43
Số lượng CPLH (CP)	1,760,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	4.8%
Beta	-
EPS	-4,284
P/E	-5.7

DT thuần
6T 2024
2.50
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.43| -74.9%

LN thuần
6T 2024
-3.74
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.66| -79.4%

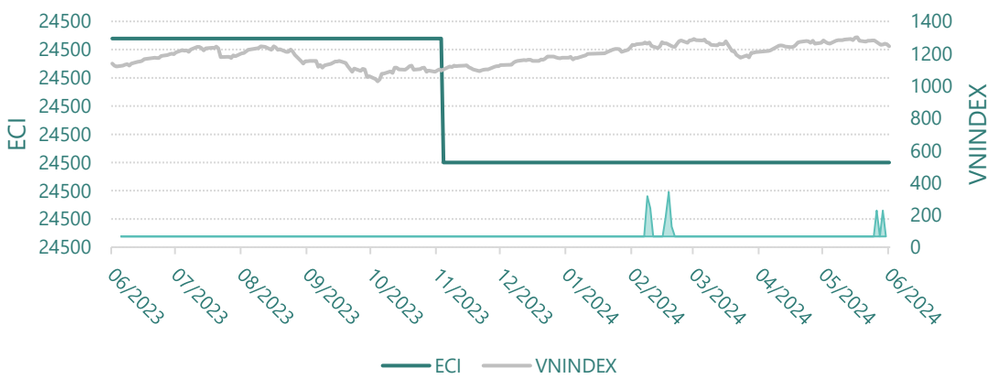
LN sau thuế
6T 2024
-3.84
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.66| -76.4%

Cơ cấu sở hữu

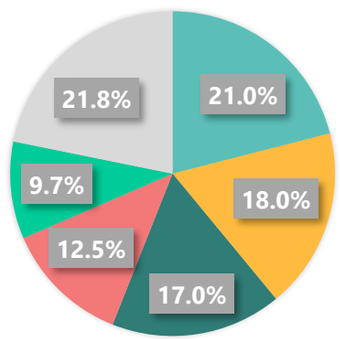


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

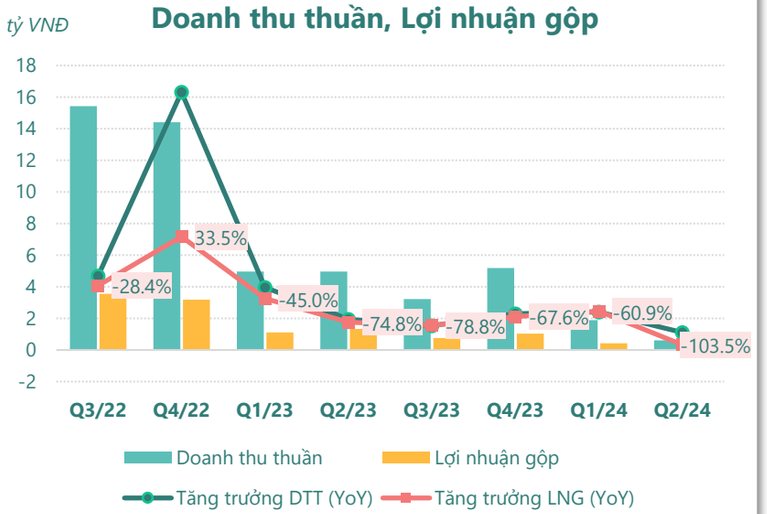


- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
- Đinh Thị Khánh Ly
- CTCP Tập đoàn Đầu tư tài chính MYA Capital
- Phạm Ngọc Huyền (Đại diện công bố thông tin)
- Sử Duy Bin
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

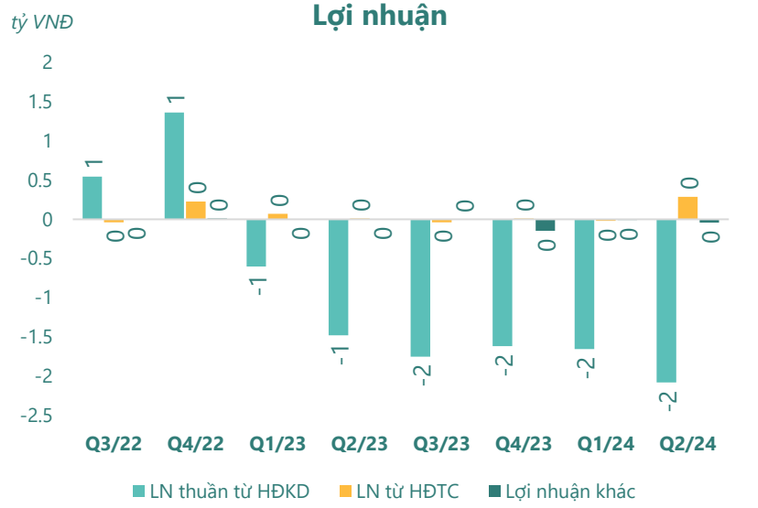
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



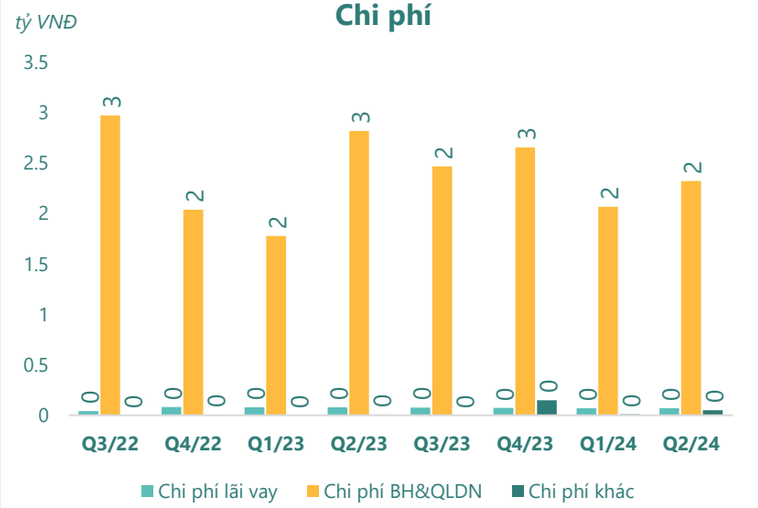
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



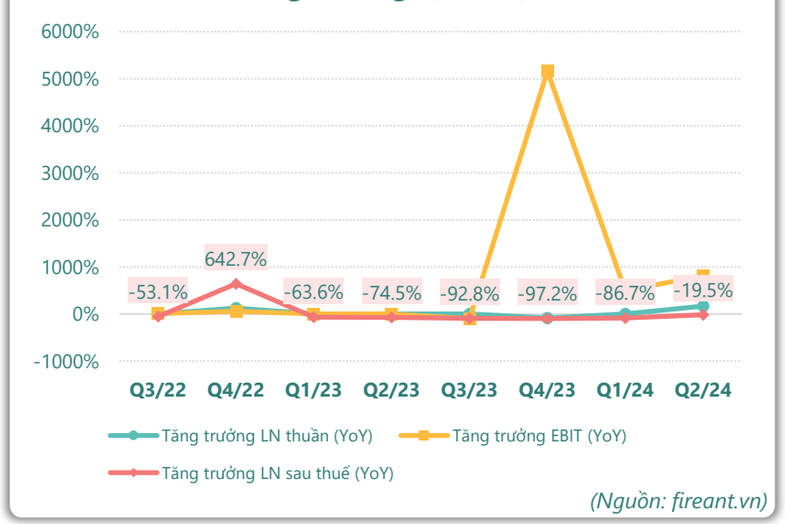
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



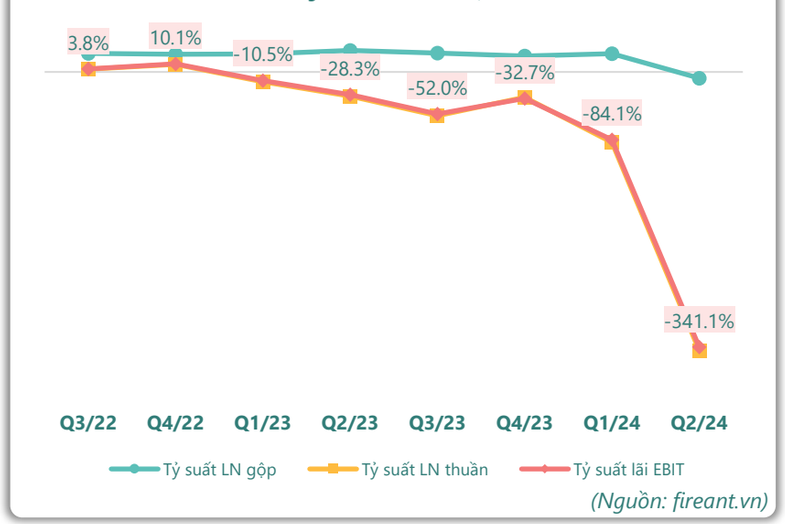
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



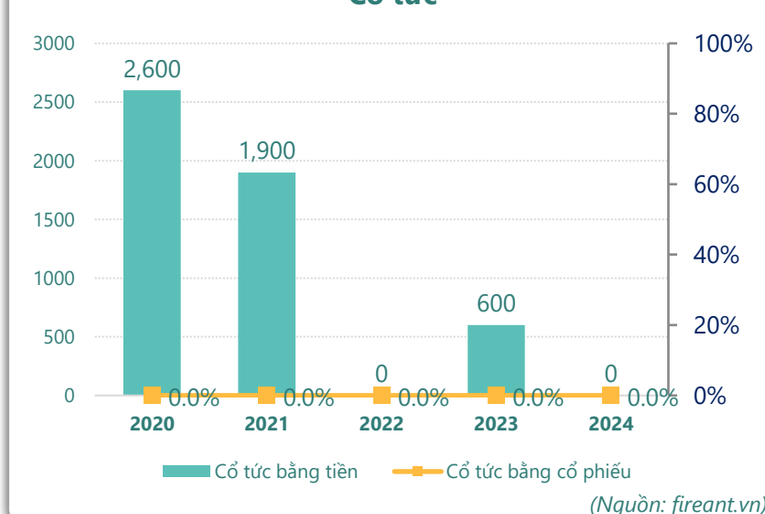
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

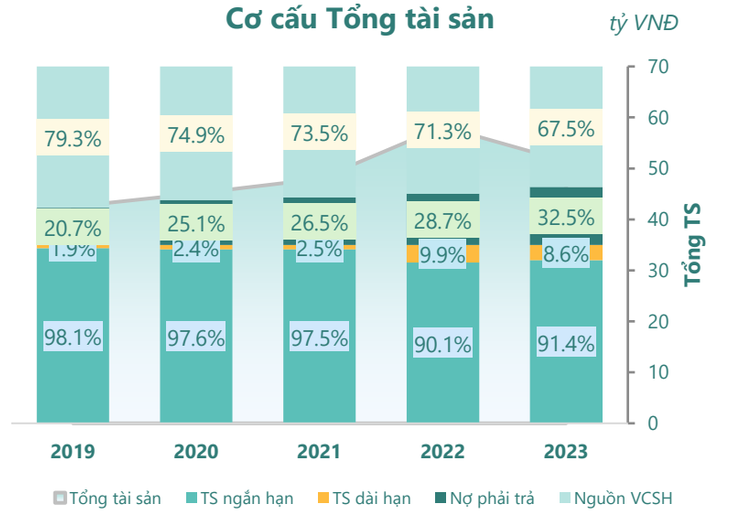
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

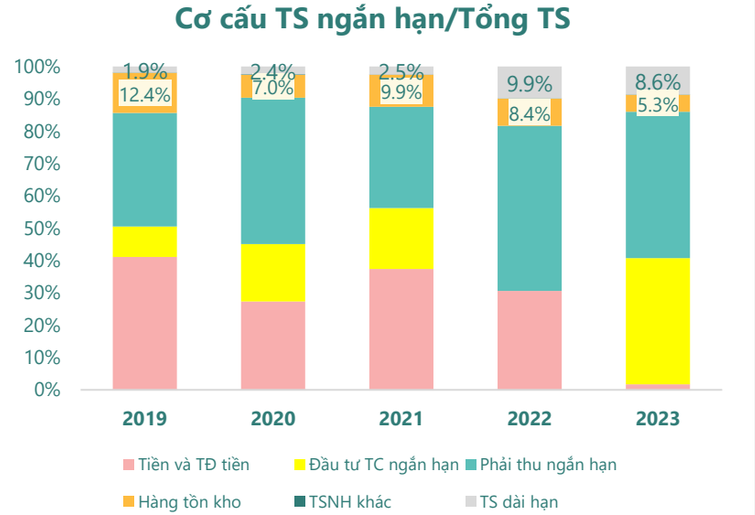
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



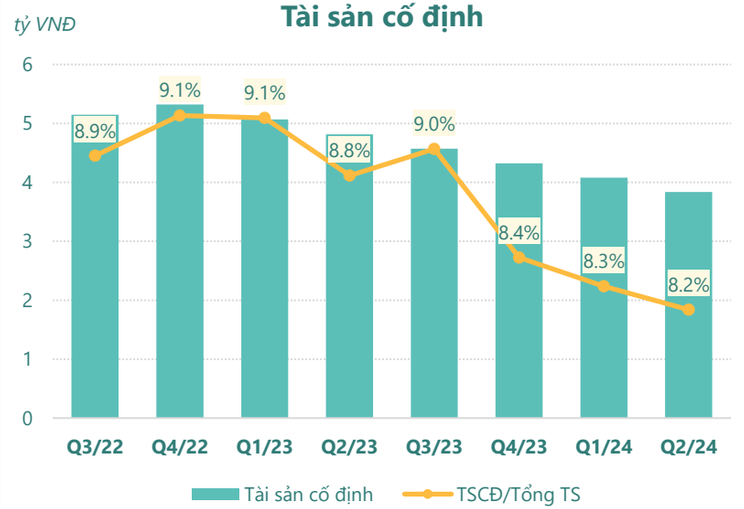
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



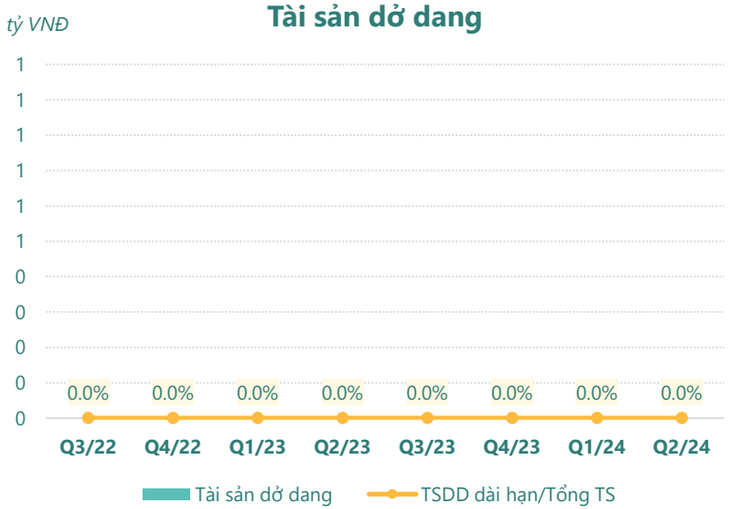
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



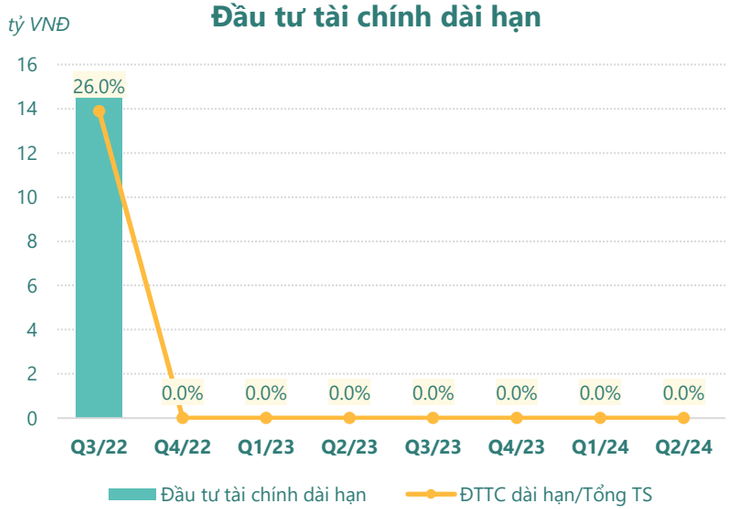
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



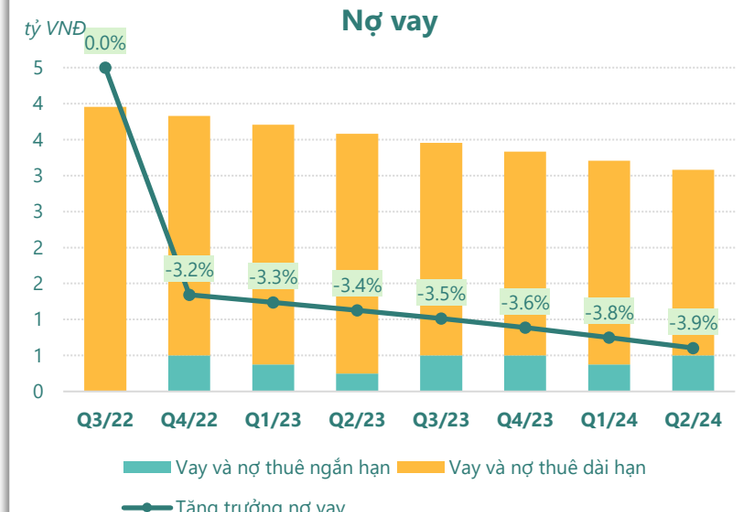
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

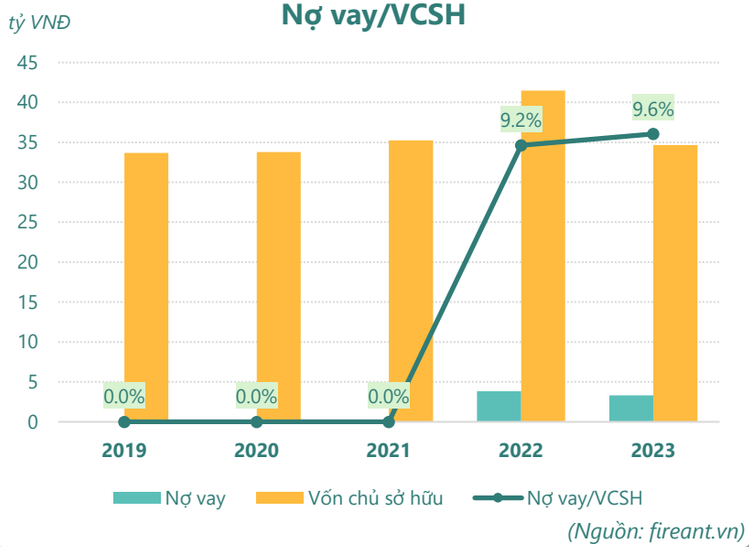
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

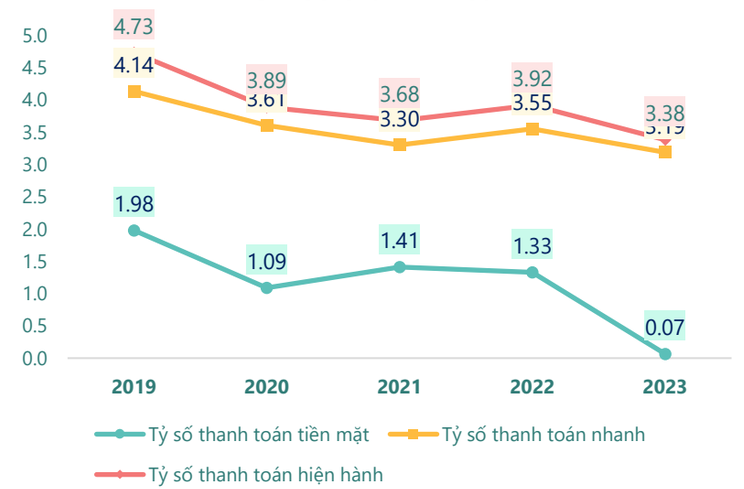
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



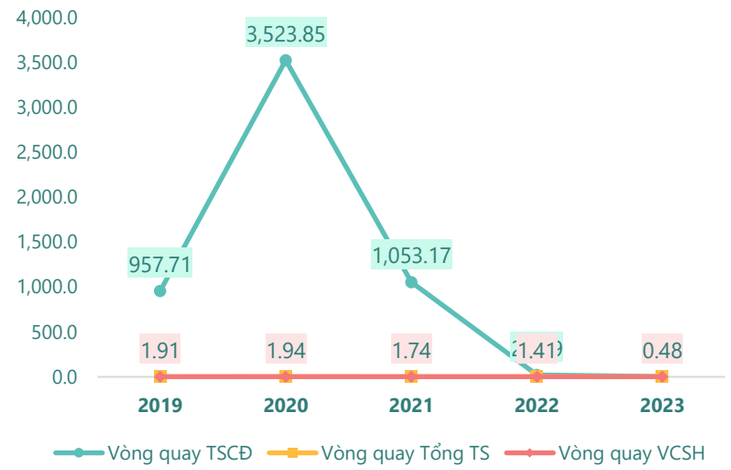
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



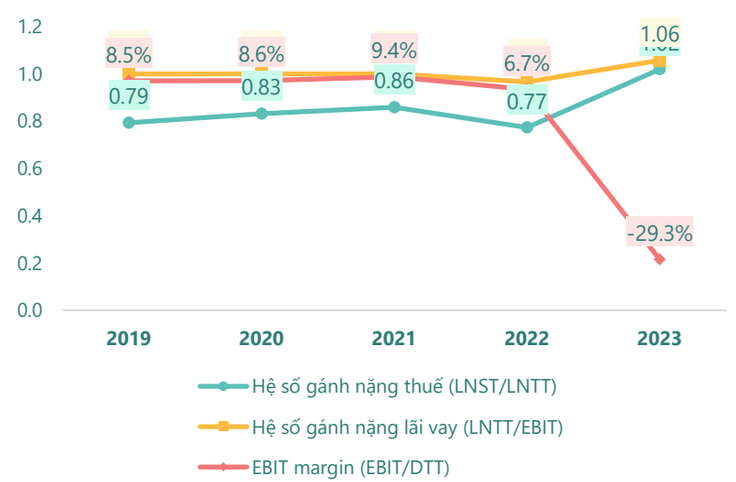
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



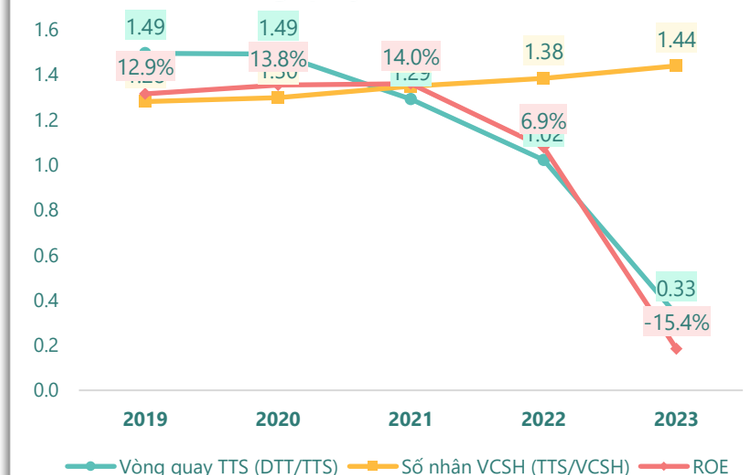
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



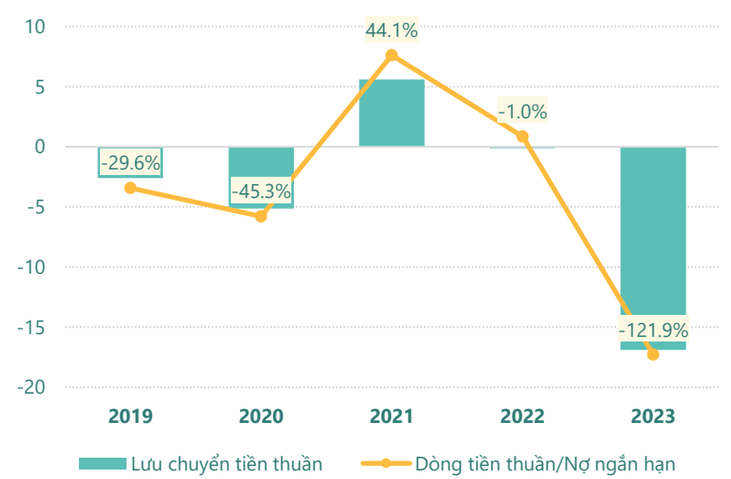
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.60**	**4.97**	**-87.9%**	**2.50**	**9.93**	**-74.9%**
Giá vốn hàng bán	0.65	3.64	-82.2%	2.11	7.50	-71.9%
Lợi nhuận gộp	-0.05	1.33	-103%	0.39	2.44	-84.1%
Doanh thu HĐTC	0.36	0.09	297%	0.41	0.24	71.5%
Chi phí TC	0.07	0.08	-13.5%	0.14	0.16	-12.1%
Chi phí lãi vay	0.07	0.08	-13.5%	0.14	0.16	-12.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.92	1.28	-28.4%	1.72	1.90	-9.4%
Chi phí QLDN	**1.41**	**1.54**	**-8.7%**	**2.67**	**2.70**	**-1.0%**
LN thuần từ HĐKD	-2.08	-1.48	-40.6%	-3.74	-2.08	-79.4%
Lợi nhuận khác	**-0.04**	**0.00**		**-0.05**	**0.00**	**-1061%**
LN trước thuế	-2.12	-1.48	-43.4%	-3.79	-2.09	-81.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.18**	**-1.55**	**-40.4%**	**-3.84**	**-2.18**	**-76.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.17**	**-1.60**	**-35.7%**	**-3.84**	**-2.25**	**-70.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.25	8.18	-15.7	19.9	-0.37	-19.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	16.5	-16.5	16.5	-37.0	0.01	37.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.12	-0.12	-0.12	-0.12	-0.12	-0.12
Tiền đầu kỳ	17.8	25.9	17.5	18.2	0.90	0.42
Lưu chuyển tiền thuần	**8.12**	**-8.45**	**0.70**	**-17.3**	**-0.49**	**17.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	25.9	17.5	18.2	0.90	0.42	18.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**47.0**	**51.3**	**-8.4%**
Tài sản ngắn hạn	43.1	46.9	-8.0%
Tiền và tương đương tiền	18.1	0.90	1901%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	20.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	23.0	23.2	-0.9%
Hàng tồn kho	1.92	2.70	-28.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.05	53.9%
Tài sản dài hạn	**3.91**	**4.44**	**-12.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.83	4.32	-11.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.07**	**0.11**	**-37.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.2	16.7	-2.7%
Nợ ngắn hạn	**13.7**	**13.9**	**-1.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.50	0.50	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.40	9.53	-1.4%
Nợ dài hạn	2.58	2.83	-8.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.58	2.83	-8.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**30.8**	**34.6**	**-11.1%**
Vốn chủ sở hữu	**30.8**	**34.6**	**-11.1%**
Vốn điều lệ	18.6	18.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)